| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 8 – HƯNG YÊN**<br>Bản án số: 72/2025/HNGĐ-ST<br>Ngày 30/9/2025<br>*Về tranh chấp hôn nhân và gia đình* | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Đặng Thị Nguyệt

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Đăng Tuấn
2. Bà Quách Thị Anh Thơ

***- Thư ký phiên toà***: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Đào Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXX-ST ngày 03 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Thu U**, sinh năm 2001; Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Trọng T**, sinh năm 1995; Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn P, xã P, tỉnh Hưng Yên.

*(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Thu U trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau*: Chị và anh Nguyễn Trọng T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là UBND xã P, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 01/8/2024. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời cờ bạc, dẫn

đến nợ nần. Ngoài ra, anh T không có trách nhiệm với gia đình khi không hỏi han, quan tâm hay gửi tiền về để nuôi con. Từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã khiến cho không khí gia đình luôn căng thẳng. Chị U đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị U sinh sống từ tháng 01/2025, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị U xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Kim A, sinh ngày 17/01/2023. Hiện con chung đang ở với chị U. Ly hôn, chị U có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ và được bố mẹ chị sẵn sàng hỗ trợ chị chăm sóc con cái, chị có công việc và thu nhập ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

** Tòa án đã giao, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn anh Nguyễn Trọng T không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi về Tòa án văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Tại biên bản xác minh ngày 22/8/2025, bà Vũ Thị H là mẹ đẻ anh Nguyễn Trọng T cung cấp*: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng anh Nguyễn Trọng T và chị Bùi Thị Thu U như chị U trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn hay không thì bà không biết. Nay chị U có đơn xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị U và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Kim A, sinh ngày 17/01/2023, hiện đang ở với chị U. Ly hôn, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vấn đề con chung. Hiện anh T làm nghề lao động tự do, thu nhập hàng tháng là bao nhiêu thì bà không biết. Chị U và anh T có tài sản chung. nợ chung hay không, bà không biết. Bà đồng ý nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án thay anh T. Bà sẽ giao lại cho anh T những văn bản này nhưng bà từ chối ký tên vào các biên bản làm việc của Tòa án.

** Tại biên bản xác minh chính quyền địa phương cung cấp*: Anh Nguyễn Trọng T và chị Bùi Thị Thu U có đăng ký kết hôn ngày 01/8/2024 tại UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là UBND xã P, tỉnh Hưng Yên). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì chính quyền địa phương không biết do anh chị không yêu cầu các đoàn thể tại địa phương tiến hành hòa giải. Hiện vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi. Chị U, anh T có 01 con chung là Nguyễn Kim A, sinh ngày 17/01/2023. Vợ chồng anh

chị không nợ nghĩa vụ tài chính tại địa phương. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết theo nguyện vọng hai bên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án xử cho chị U được ly hôn anh T; xử giao con chung cho chị U nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; không đặt ra giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Chị U phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Thu U và anh Nguyễn Trọng T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị U thể hiện quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra va chạm, xô xát kéo dài. Chị U đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị U sinh sống từ tháng 01/2025, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến làm việc cũng như tiến hành hòa giải mục đích để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị U giữ nguyên quan điểm cương quyết xin ly hôn; anh T không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày quan điểm, không có biện pháp để đoàn tụ thể hiện cả hai không còn muốn duy trì quan hệ hôn nhân nữa. Như vậy, hôn nhân giữa chị Bùi Thị Thu U và anh Nguyễn Trọng T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Bùi Thị Thu U ly hôn anh Nguyễn Trọng T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị Thu U và anh Nguyễn Trọng T có 01 con chung là Nguyễn Kim A, sinh ngày 17/01/2023. Ly hôn, chị U có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung. Từ

khi anh T và chị U sống ly thân, con Kim A được chị U và bố mẹ đẻ chị U chăm sóc, nuôi dưỡng có cuộc sống ổn định và phát triển về thể chất, tinh thần bình thường. Chị U hiện làm việc tại Phòng khám K, có thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không trình bày quan điểm về người nuôi dưỡng và cấp dưỡng cho con chung. Xét thấy, chị U có điều kiện về nơi ở, kinh tế, thời gian… để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Do đó, cần xử giao cháu Nguyễn Kim A cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị U không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị Thu U không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Trọng T không trình bày ý kiến về tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị Thu U phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235; 238; 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QĐ15.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Thu U được ly hôn anh Nguyễn Trọng T.

2. Về con chung:

Xử giao con chung là Nguyễn Kim A, sinh ngày 17/01/2023 cho chị Bùi Thị Thu U trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị Bùi Thị Thu U không yêu cầu anh Nguyễn Trọng T cấp dưỡng cho con chung cùng chị.

Anh Nguyễn Trọng T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Chị Bùi Thị Thu U, anh Nguyễn Trọng T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Thu U phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Bùi Thị Thu U đã nộp tạm ứng án phí

theo biên lai thu số 0000544 ngày 12/8/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Hưng Yên thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị Thu U và bị đơn anh Nguyễn Trọng T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**THÀNH VIÊN** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Đặng Thị Nguyệt**

***Nơi nhận:***
- VKSND khu vực 8 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên);
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đặng Thị Nguyệt**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Nguyệt**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Nguyệt**